

[양식 제27호]

[Mẫu số 27]

개 명 신 고 서 TỜ KHAI ĐỔI TÊN (년 월 일) (năm tháng ngày)		※ 고서 작성 시 아래의 작성 방법을 참고하고, 선택항목에는 '영표(○)'로 표시하기 바랍니다.				※ Vui lòng tham khảo cách điền bên dưới khi ghi tờ khai và đánh dấu '(O)' vào mục lựa chọn.			
		개명 전 이름 Tên trước khi đổi				②개명 후 이름 ②Tên sau khi đổi			
① 개 명 자 ① Người đổi tên	본 인 성 명 Họ và tên	한글 Tiếng Hàn	(성) / (명) (Họ) / (tên)	한자 Tiếng Hàn	(성) / (명) (Họ) / (tên)	한글 Tiếng Hàn	(성) / (명) (Họ) / (tên)	한자 Tiếng Hàn	(성) / (명) (Họ) / (tên)
	본(한자) Tên (Tiếng Hán)				주민등록번호 Số chứng minh thư	-			
	등록기준지 Nơi đăng ký gốc								
	주 소 Địa chỉ								
③허가일자 ③Ngày cho phép đổi tên		년 Năm	월 tháng	일 ngày	법원명 Tên tòa án				
④기타사항 ④Nội dung khác									
⑤ 신 고 인 ⑤ Người khai	성 명 Họ và tên	④ 또는 서명 Đóng dấu hoặc ký tên			주민등록번호 Số chứng minh thư	-			
	자 격 Tư cách	① 본인 ② 법정대리인 ③ 기타 (자격 :) ① Bản thân ② Người đại diện pháp luật ③ Khác (Tư cách :)							
	주 소 Địa chỉ		전화 Điện thoại		이메일 Email				
⑥제출인 ⑥ N g ư ờ i n ộp	성 명 Họ và tên				주민등록번호 Số chứng minh thư	-			

작성 방법 Cách điền tờ khai

- ※ 이 신고는 개명허가결정등본을 받은 날로부터 1개월 이내에 신고하여야 합니다.
- ※ Việc khai báo này phải được thực hiện trong vòng 1 tháng kể từ ngày nhận được bản sao quyết định cho phép đổi tên.
- ①란 : 본인의 성명은 개명 전 이름과 개명 후 이름을 나누어 기재합니다.
Mục①: Họ và tên của bản thân được chia và ghi theo tên trước khi đổi và tên sau khi đổi.
- ②란 : 개명 후 이름(개명허가결정등본에 기재된 개명허가를 받은 이름)을 기재 하며, 한자가 없는 경우는 한글란에만 기재합니다.
Mục②: Ghi tên sau khi đổi (tên được phép đổi và được ghi trên bản quyết định cho phép đổi tên), chỉ ghi tên tiếng Hàn trường hợp không có tên tiếng Hán.
- ③란 : 개명허가일자(개명허가결정등본에 기재된 연월일)를 기재합니다.
Mục③: Ngày được cấp phép đổi tên ghi theo ngày tháng năm được viết trên bản sao quyết định cho phép đổi tên.
- ④란 : 가족관계등록부에 기록을 분명하게 하는데 특히 필요한 사항을 기재합니다.
Mục④: Ghi chép điều khoản đặc biệt cần thiết đã được ghi rõ trong bản đăng ký hộ gia đình.
- ⑤란 : 본인이 신고하는 경우 개명 후의 이름을 기재합니다.
Mục⑤: Trường hợp là bản thân khai thì ghi tên sau khi đổi.
- ⑥란 : 제출인(신고인이 작성한 신고서를 신고인이 아닌 사람이 제출할 경우만 기재)의 성명 및 주민등록번호를 기재합니다.[접수담당공무원은 신분증과 대조]
Mục⑥: Ghi họ tên và số chứng minh thư của người nộp (chỉ ghi trong trường hợp người nộp không phải là người khai báo đã viết trong tờ khai). [Nhân viên phụ trách đối chiếu với chứng minh thư]

첨부 서류 Hồ sơ đính kèm

1. 개명허가결정등본 1부.
 1. Bản sao quyết định cho phép đổi tên: 1 bản
 2. 신분확인[가족관계등록예규 제443호에 의함]
 2. Xác nhận danh tính [Căn cứ theo Quy định đăng ký hộ gia đình số 443]
 - 신고인이 출석한 경우 : 신분증명서
 - Trường hợp người khai nộp: giấy chứng minh thư
 - 제출인이 출석한 경우 : 제출인의 신분증명서
 - Trường hợp người nộp: giấy chứng minh thư của người nộp
 - 우편제출의 경우 : 신고인의 신분증명서 사본
 - Trường hợp nộp qua bưu điện: bản copy giấy chứng minh thư của người khai
- ※ 신고인이 성년후견인인 경우에는 2항의 서류 외에 성년후견인의 자격을 증명하는 서면도 함께 첨부해야 합니다.
- ※ Trường hợp người khai là người bảo hộ thì ngoài hồ sơ theo mục 2 phải đính kèm giấy xác nhận chứng minh tư cách người của người bảo hộ.